

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm 2026 (tính đến 30 tháng 6 năm 2026)
(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024 của Bộ trưởng
Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) ban hành quy định về công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân;

Thực hiện Công văn số 2500/SGDĐT-QLCL, ngày 18/9/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện Quy định về công khai đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT.

Căn cứ tình hình thực tế của đơn vị, trường THPT Tân Bình – Bình Dương báo cáo kết quả thường niên 06 tháng đầu năm 2026 như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục

Trường trung học phổ thông (THPT) Tân Bình – Bình Dương.

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử)

Địa chỉ: Đường ĐT 741, tổ 4, khu phố Cổng Xanh, phường Vĩnh Tân, thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 02743.657220.

Website: <https://thpttanbinh.edu.vn/>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu; tên nhà đầu tư thành lập cơ sở giáo dục, thuộc quốc gia/ vùng lãnh thổ (đối với cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài); danh sách tổ chức và cá nhân góp vốn đầu tư (nếu có)

Loại hình: Trường THPT công lập.

Cơ quan quản lý trực tiếp: Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

Sứ mệnh: Xây dựng môi trường học tập có nề nếp, kỷ luật, trách nhiệm, văn minh và chất lượng tốt để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển tài năng và tư duy sáng tạo.

Tầm nhìn: Là trường THPT duy nhất trên địa phương Vĩnh Tân, trường có chất lượng giáo dục ngày càng tăng, học sinh lựa chọn để học tập và rèn luyện, cán bộ, giáo viên, nhân viên luôn có khát vọng vươn lên.

Hệ thống giá trị cơ bản: Đoàn kết, chia sẻ, nhân ái, trung thực; Kỷ cương, nề nếp, văn minh; Sáng tạo, chủ động, thích ứng; Hội nhập, khát vọng vươn lên.

Mục tiêu chung: Xây dựng thương hiệu nhà trường, có uy tín và ổn định về chất lượng giáo dục; từng bước phấn đấu theo mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Trường Trung học phổ thông (THPT) Tân Bình – Bình Dương được thành lập từ năm 1978.

Từ năm 1978 đến 1983 Trường có tên là Trường phổ thông trung học (PTTH) – vừa học vừa làm (VHVL) Phước Sang.

Từ năm 1984 đến 1988 Trường đổi tên mới là phổ thông trung học - kỹ thuật cao su Phước Hoà.

Từ năm 1988 đến 1989 Trường đổi tên Trường PTTH Phước Hòa.

Từ năm 1989 đến 2001 Trường tiếp tục đổi tên Trường cấp 2,3 Tân Bình

Từ năm 2001 đến 2025 đổi thành trường trung học phổ thông (THPT) Tân Bình.

Từ tháng 8 năm 2025 đến nay đổi tên thành Trường THPT Tân Bình – Bình Dương.

Từ khi được thành lập 1978 đến nay Trường có 20 lớp, với 819 học sinh. Cơ sở vật chất của trường tuy còn thiếu một số hạng mục nhưng vẫn đảm bảo cho hoạt động dạy và học.

Trường đã vinh dự được được UBND tỉnh Bình Dương tặng Bằng khen năm học 2020 – 2021.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử

Người đại diện pháp luật: Nguyễn Thế Cường

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Đường ĐT 741, tổ 4, khu phố Cỏ Xanh, phường Vĩnh Tân, thành phố Hồ Chí Minh.

Số điện thoại: 0948.194.191

Gmail: cuongnt@tanbinh.sgdbinhduong.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập trường

Quyết định số 4589/QĐ-CT ngày 18/10/2001 Quyết định của Chủ tịch UBND về việc thay đổi tên gọi các trường phổ thông trung học trong tỉnh Bình Dương thành trường trung học phổ thông.

Quyết định Số 673/QĐ-UBND ngày 21/3/2022 Quyết định tách khỏi THCS của trường THPT Tân Bình để thành lập trường THCS mới.

Quyết định số 1597/QĐ-SGDĐT ngày 05/10/2023 Quyết định về việc phân hạng trường THPT công lập năm học 2023-2024.

Quyết định số 1670/QĐ-SGDĐT ngày 07/10/2024 Quyết định về việc phân hạng các trường trung học phổ thông, trung học cơ sở và trung học phổ thông công lập năm học 2024 – 2025.

Quyết định số 09/2025/QĐ-UBND, ngày 01/7/2025 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh.

Quyết định số 355/2025/QĐ-UBND, ngày 28/7/2025 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, về việc tiếp nhận và chuyển đổi cơ quan quản lý của 41 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Dương thành đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh (mới).

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường

Năm 2026: Không có.

c) *Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng cơ sở giáo dục*

Quyết định số 2143/QĐ-SGDĐT Ngày 03/7/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh, về việc tiếp nhận và bổ nhiệm viên chức quản lý. (Hiệu trưởng Nguyễn Thế Cường)

Quyết định số 2144/QĐ-SGDĐT Ngày 03/7/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh, về việc tiếp nhận và bổ nhiệm viên chức quản lý. (Phó Hiệu trưởng Dương Thị Tuyết Giang)

Quyết định số 2145/QĐ-SGDĐT Ngày 03/7/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh, về việc tiếp nhận và bổ nhiệm viên chức quản lý. (Phó Hiệu trưởng Nguyễn Thị Hồng Nhiên)

d) *Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục*

Cơ chế hoạt động của trường THPT Tân Bình – Bình Dương

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục: Theo Điều 3 Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học Ban hành kèm theo Thông tư 15/2026/TT-BGDĐT.

Sơ đồ tổ chức bộ máy của đơn vị:

- + 01 Hội đồng trường với 15 thành viên.
- + 01 Hiệu trưởng và 02 phó Hiệu trưởng.
- + 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.
- + Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).
- + Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 22 đảng viên.

- + Tổ chức Công đoàn có 47 công đoàn viên.
- + Tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có 02 đoàn viên,
- + Ban đại diện CMHS có 01 thành viên.
- + Có 04 tổ chuyên môn và 01 tổ Văn phòng.

đ) *Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có);* Quyết định số 09/2025/QĐ-UBND, ngày 01/7/2025 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh.

e) *Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường*

S T T	Họ và tên	Chức vụ	Điện thoại	Thư điện tử
1	Nguyễn Thế Cường	Hiệu trưởng	0948.194.191	cuongnt@tanbinh.sgdbinhduong.edu.vn
2	Dương Thị Tuyết Giang	Phó Hiệu trưởng	0918.091.908	giangdtt@tanbinh.sgdbinhduong.edu.vn
3	Nguyễn Thị Hồng Nhiên	Phó Hiệu trưởng	0943.848.286	nhiennth@tanbinh.sgdbinhduong.edu.vn

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục

8.1. Chiến lược phát triển nhà trường

Kế hoạch số 149/KH-THPTTB-BD, ngày 11/11/2025 của trường THPT Tân Bình - Bình Dương về chiến lược phát triển trường THPT Tân Bình - Bình Dương, giai đoạn 2025 – 2030, tầm nhìn đến năm 2035.

Kế hoạch số 116/KH-THPTTB-BD, ngày 28/10/2025 của trường THPT Tân Bình - Bình Dương về việc cải tiến chất lượng giáo dục năm học 2025 - 2026.

8.2. Quy chế dân chủ ở cơ sở

Quyết định số 92/QĐ-THPTTB-BD, ngày 21/10/2025 của trường THPT Tân Bình - Bình Dương, về việc thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ trong nhà trường năm học 2025 - 2026

Kế hoạch số 95/KH-BCĐ, ngày 21/10/2025 của trường THPT Tân Bình - Bình Dương, về việc hoạt động của Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ trường học năm học 2025 - 2026.

8.3. Các nghị quyết của hội đồng trường

Không.

8.4. Quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính

Thực hiện theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 09 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

Thông tư số 19/2023/TT-BGDĐT và Thông tư 20/2023/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập.

Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 03 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ tài chính về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 03 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước ;

Quyết định số 1296/QĐ-UBND ngày 02/06/2022 của UBND tỉnh Bình Dương về việc giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2022 - 2025.

Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 06 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, Trường Trung học phổ thông Tân Bình – Bình Dương thuộc nhóm 3 - đơn vị tự bảo đảm từ 10% đến dưới 30% chi thường xuyên.

8.5. Chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục

Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐND ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Hội Đồng Nhân Dân Tỉnh Bình Dương ban hành quy định về chính sách thu hút, chế độ hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Bình Dương.

8.6. Các quy định, quy chế nội bộ

Thực hiện theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 09 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

Thông tư số 19/2023/TT-BGDĐT và Thông tư 20/2023/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập.

Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 03 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ tài chính về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 03 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước ;

Quyết định số 1296/QĐ-UBND ngày 02/06/2022 của UBND tỉnh Bình Dương về việc giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2022 - 2025.

Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 06 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, Trường Trung học phổ thông Tân Bình – Bình Dương thuộc nhóm 3 - đơn vị tự bảo đảm từ 10% đến dưới 30% chi thường xuyên.

8.5. Chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục

Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐND ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Hội Đồng Nhân Dân Tỉnh Bình Dương ban hành quy định về chính sách thu hút, chế độ hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Bình Dương.

8.6. Các quy định, quy chế nội bộ

Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/04/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

Nghị định số 61/2006/NĐ-CP ngày 20/6/2006 của Chính phủ về chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở trường chuyên biệt, ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ, quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với sự nghiệp đơn vị sự nghiệp công lập.

Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 – 2021.

Quyết định số 61/2005/QĐ-TTg ngày 24 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ về chế độ, chính sách đối với cán bộ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội sinh viên Việt Nam, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam trong các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề và trung học phổ thông.

Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

Nghị định số 117/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 7 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

Quyết định số 244/2005/QĐ-TTg ngày 06 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ về chế độ ưu đãi đối với nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập.

Thông tư số 14/2007/TT-BTC ngày 08 tháng 03 năm 2007 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn sử dụng kinh phí thực hiện công tác y tế trong các trường học.

Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/04/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

Thông tư liên tịch số 68/2011/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC-BLĐTBXH ngày 30/12/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính và Bộ Lao động - Thương

binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 54/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ về chế độ phụ cấp thâm niên đối với nhà giáo.

Thông tư số 13/2016/TTLT – BYT-BGDĐT ngày 12 tháng 5 năm 2016 Thông tư Liên tịch quy định về công tác y tế trường học.

Công văn số 460/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo Dục Và Đào Tạo về việc tiếp tục thực hiện chế độ phụ cấp thâm niên nhà giáo.

Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ về hướng dẫn về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.

Thông tư số 33/2005/TT-BGD&ĐT ngày 08/12/2005 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn chế độ phụ cấp chức vụ lãnh đạo trong các cơ sở giáo dục công lập.

Quyết định 13/2013/QĐ-TTg ngày 06/02/2013 của Chính phủ về chế độ, chính sách đối với cán bộ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên Việt Nam, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam trong các cơ sở giáo dục và cơ sở dạy nghề.

Văn bản 1649/GDĐT-HSSV ngày 27/05/2013 của Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thực hiện Quyết định 13/2013/QĐ-TTg ngày 06/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

Thông tư 04/2005/TT-BNV ngày 05/01/2005 của Bộ nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức, viên chức và văn bản hợp nhất số 1/VBHN ngày 02/05/2022 hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức, viên chức.

Quyết định số 244/2005/QĐ-TTg ngày 06/10/2005 và Thông tư liên tịch số 01/2006/TTLT/BGD&ĐT-BNV-BTC ngày 23/01/2006 hướng dẫn thực hiện QĐ 244/2005/QĐ-TTg và công văn số 958/GDĐT-TC ngày 16/8/2017 của SGD&ĐT; công văn số 2685/GDĐT-TC ngày 05/8/2019 của SGD&ĐT-thực hiện Phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo trực tiếp giảng dạy người khuyết tật.

Nghị định số 77/2021/NĐ-CP ngày 01/08/2021 của chính phủ (thay thế Nghị định số 54/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011). quy định chế độ phụ cấp thâm niên nhà giáo.

Phụ cấp trách nhiệm kế toán trưởng, phụ trách kế toán; thực hiện theo Thông tư số 04/2018/TT-BNV ngày 27/03/2018 của Bộ nội vụ về việc hướng dẫn Phụ cấp trách nhiệm kế toán trưởng, phụ trách kế toán

Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/09/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng sử dụng và quản lý viên chức (thay thế về chế độ cho người hướng dẫn tập sự và trợ cấp thôi việc).

Thực hiện theo Thông tư 05/2005/TTBNV ngày 5/1/2005 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp trách nhiệm công việc đối với cán bộ, công chức, viên chức

Thông tư số 21/2025/TT-BGDĐT ngày 23/9/2025 quy định chế độ trả tiền lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập. Thay thế Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT/BGDĐT-BNV-BTC ngày 08/3/2013 về chế độ trả lương thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập.

Công văn số 6890/BTC-HCSN ngày 23/5/2012 của Bộ Tài chính “V/v thực hiện tiết kiệm, tiết giảm tối đa chi phí điện, điện thoại, văn phòng phẩm, xăng dầu, khánh tiết, hội nghị, công tác phí”.

Thông tư liên tịch số 111/2009/TTLT/BTC-BCT ngày 01/6/2009 của Bộ Tài chính, Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện tiết kiệm điện trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

Công văn số 6890/BTC-HCSN ngày 23/5/2012 của Bộ Tài chính thông tư 12/2025/TT-BTC ngày 19/03/2025 sửa đổi Thông tư 40/2017/TT-BTC quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành.

Thông tư liên tịch số 5/2015/TTLT-BGDĐT-BLĐT BXHBQP-BCA-BNV-BTC, ngày 16/07/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ LĐ TBXH, Bộ Công An, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số chế độ, chính sách đối với cán bộ quản lý, giáo viên giảng viên giáo dục quốc phòng - an ninh.

Quyết định số 51/2012/QĐ-TTg ngày 16/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ, Quy định về chế độ bồi dưỡng và chế độ trang phục đối với giáo viên, giảng viên thể dục thể thao.

Nghị quyết 08/2023/NQ-HĐND ngày 19/9/2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định về chi thu nhập tăng thêm theo Nghị Quyết số 98/2023/QH15 của Quốc hội ngày 24/6/2023 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh.

Công văn số 5035/UBND-VX ngày 11/10/2023 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về việc đánh giá phân loại hàng quý theo Nghị quyết 08/2023/NQ-HĐND ngày 19/9/2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định về chi thu nhập tăng thêm theo Nghị Quyết số 98/2023/QH15 của Quốc hội ngày 24/6/2023.

Công văn số 5439/UBND-KT ngày 02/11/2023 v/v lập dự toán, bố trí kinh phí chi thu nhập tăng thêm theo Nghị Quyết 08/2023/NQ-HĐND ngày 19/9/2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố.

Công văn số 2685/SGDĐT-TC ngày 05/8/2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện Phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo trực tiếp giảng dạy người khuyết tật.

Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của HĐND Thành phố Hồ Chí Minh về quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động GD của cơ sở GD công lập trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh năm học 2023-2024; CV 3770/UBND-VX ngày 03/8/2023 triển khai NQ số 04/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023.

Công văn số 4687/SGDĐT-KHTC ngày 25/08/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ các hoạt động giáo dục; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2023-2024 của các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Nghị định 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ; Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ Quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Nghị quyết số 18/2025/NQ-HĐND ngày 24/7/2025 của Hội đồng Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các

dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2025-2026.

Công văn số 1888/SGDĐT-KHTC ngày 29/8/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác; thực hiện chế độ miễn, giảm, hỗ trợ học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2025-2026 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Công văn số 1619/SGDĐT-KHTC ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về hướng dẫn lựa chọn nội dung trong chương trình của nhà trường từ năm học 2025-2026 tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Hướng dẫn số 2174/SGDĐT-GDPT ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về việc hướng dẫn hướng dẫn tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với giáo dục phổ thông năm học 2025-2026.

Hướng dẫn liên sở số 1332/HDLS/BHXXH-GDĐT ngày 04/9/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo và Bảo hiểm xã hội Thành phố Hồ Chí Minh về thực hiện bảo hiểm y tế học sinh, sinh viên năm học 2025-2026.

Công văn số 2512/SGDĐT-KHTC ngày 19/9/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về việc tăng cường công tác quản lý các khoản thu, chi trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo và công tác vận động tài trợ cho giáo dục năm học 2025-2026 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

(File đính kèm)

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Các chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất

STT	Nội Dung	Năm 2026	Năm 2025 (liên kề trước)
1	Diện tích khuôn viên	19.616m ²	19.616m ²
2	Diện tích sàn/người học (m ²)	10, 143m ²	10, 143m ²
3	Tỷ lệ giáo viên có chỗ làm việc riêng biệt	100%	100%
4	Số đầu sách	505	989
5	Số bàn sách/người học	7.919/819	7.919/819

2. Diện tích đất và diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo

STT	Tên Trường	Địa chỉ	Diện tích đất (m²)	Diện tích sàn (m²)
1	Trường THPT Tân Bình – Bình Dương	Đường ĐT 741, tổ 4, khu phố Cổng Xanh, phường Vĩnh Tân, thành phố Hồ Chí Minh.	19.616m ²	8.318, 67m ²

3. Các hạng mục cơ sở vật chất được đầu tư mới trong năm: Không.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục; Kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá

Tiêu chuẩn 1: Mức 2;

Tiêu chuẩn 2: Mức 2 ;

Tiêu chuẩn 3: Mức 2;

Tiêu chuẩn 4: Mức 2;

Tiêu chuẩn 5: Mức 2.

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục

Trường đạt chuẩn Kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2 và đạt chuẩn Quốc gia Mức độ 1 (giai đoạn 2020-2025)

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Quy mô phát triển trường, lớp, học sinh

Khối	Đầu năm học		Cuối năm học		Bỏ học			Chuyển trường, học nghề	Tăng	Giảm
	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số HS	Tỉ lệ %	Nguyên nhân			
10	6	265	6	267	0	0		4	3	1
11	8	320	8	317	0	0		3	0	3
12	6	235	6	235	0	0		0	0	0

2. Kết quả năm học 2025 -2026

2. 1. Đối với học sinh

a) Hạnh kiểm (kết quả rèn luyện)

TT	Lớp	Sĩ số	Kết quả rèn luyện								So với năm trước
			Tốt		Khá		Đạt		Chưa Đạt		
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	
TỔNG CỘNG		819	739	90.23%	63	7.69%	8	0.98%	9	1.10%	từ Đạt trở lên giảm 1%
Khối 10		267	216	80.90%	41	15.36%	6	2.25%	4	1.50%	
Khối 11		317	295	93.06%	15	4.73%	2	0.63%	5	1.58%	
Khối 12		235	228	97.02%	7	2.98%	0	0.00%	0	0.00%	

b) Học lực (kết quả học tập)

TT	Lớp	Sĩ số	Kết quả học tập				So với
			Tốt	Khá	Đạt	Chưa Đạt	

			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	năm trước
TỔNG CỘNG	819	120	14.65%	481	58.73%	215	26.25%	3	0.37%		Khá Tốt tăng 12%
Khối 10	267	17	6.37%	147	55.06%	100	37.45%	3	1.12%		
Khối 11	317	43	13.56%	202	63.72%	72	22.71%	0	0.00%		
Khối 12	235	60	25.53%	132	56.17%	43	18.30%	0	0.00%		

c) Thống kê danh hiệu

Khối	Học sinh xuất sắc	Học sinh Giỏi
10	0	16
11	0	43
12	2	58

- Số học sinh lưu ban: 01

- Số học sinh đậu tốt nghiệp: 235/235 (100%).

- Số học sinh tham gia xét tuyển đại học: chưa có kết quả; số học sinh đậu Đại học: chưa có kết quả (....%):

d. Kết quả các cuộc thi, hội thi

TT	Kết quả các cuộc thi, hội thi	Kết quả	Ghi chú
1	Hội thao giáo dục quốc phòng và an ninh học sinh trung học phổ thông toàn quốc lần thứ IV	01 giải Nhì nội dung tháo lắp súng tiểu liên AK ban ngày	
2	Kỳ thi chọn học sinh giỏi lớp 12 cấp thành phố	01 học sinh đạt giải I (01 GDKTPL), có 01 học sinh đạt giải II (01 Toán) và 05 học sinh đạt giải III (01 Toán, 02 Sinh học, 01 Vật lý, 01 Ngữ văn).	
3	Kỳ thi chọn học sinh giỏi, học viên giỏi giải toán trên máy tính cầm tay cấp thành phố	có 01 học sinh đạt giải II và 01 học sinh đạt giải III. (02 HS Toán)	
4	Cuộc thi Olympic thành phố Hồ Chí Minh	01 học sinh đạt giải II (01 Vật lý) và 05 học sinh đạt giải III (01 Sinh học, 01 Ngữ văn, 01 Địa lý, 02 Giáo dục kinh tế pháp luật).	
5	Hội thi thể dục thể thao học sinh cấp thành phố	Giải cá nhân đạt 03 Huy chương bạc (01 võ Karate, 01 Tiếp sức HH 4x100m, 01 cự ly 100m), 01 Huy chương đồng (01 nhảy xa).	

6	Hội thi “Văn hay chữ tốt”	01 giải Khuyến khích	
---	---------------------------	----------------------	--

2. 2. Đối với giáo viên

Danh hiệu	Số lượng	Ghi chú
Giáo viên dạy giỏi cấp trường	16	Tổ chức năm học 2024 - 2025
Giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp trường	0	Không có giáo viên tham gia
Chiến sĩ thi đua cơ sở		Chưa có kết quả
Giáo viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	9	

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đvt: Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí, thu sự nghiệp	
1.1	Học phí	
1.2	Thu sự nghiệp	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2.1	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
	Học phí	
	Thu sự nghiệp	-
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	
1	Sự nghiệp Giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	

	Trong đó: - Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (13)	
	- Bổ sung từ nguồn CCTL của tỉnh (14)	
	* Đã trừ tiết kiệm theo quy định	
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
	Trong đó: - Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (12)	8.372.845.000
	Kinh phí nhiệm vụ cải cách tiền lương (KTX) (14,18)	10.076.734.000
	* Đã trừ tiết kiệm theo quy định	

CÔNG KHAI THU - CHI TIỀN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CẤP NĂM 2026
(Đến ngày 30/06/2026)

ĐVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
I	Dự toán năm trước chuyển sang	93.794.175	
	Trong đó: - Trong khoản		
	- CCTL	93.794.175	
	- Ngoài khoản		
	- Sửa chữa		
	- Mua sắm (Trang bị PCCC)		
I	Dự toán được giao năm 2026	18.449.579.000	
	Trong đó: - Trong khoản		
	- CCTL	10.076.734.000	
	- Ngoài khoản	8.372.845.000	
	- Sửa chữa		
	- Mua sắm		
II	Tổng dự toán điều chỉnh giảm	233.208	
	Trong đó: - Trong khoản		
	- CCTL	233.208	
	- Ngoài khoản		
	- Dự toán giữ lại (nguồn)		

	- Mua sắm		
II	Tổng dự toán được sử dụng năm 2026	190.44259.967	
	Trong đó: - Trong khoản		
	- CCTL	10.170.294.967	
	- Ngoài khoản	8.873.965.000	
	- Dự toán giữ lại (nguồn 28)		
	- Mua sắm		
III	Tổng kinh phí đã sử dụng đến ngày 30/06/2026	6.859.689.230	
	Trong đó: - Trong khoản (chi tiết đính kèm)		
	- CCTL	1.725.339.152	
	- Ngoài khoản (chi tiết đính kèm)	5.134.350.078	
	- Ngoài khoản tiền thưởng NĐ73		
	- Sửa chữa		
	- Mua sắm		
IV	Tổng kinh phí còn tại KBNN	12.184.570.737	
	Trong đó: - Trong khoản		
	- CCTL	8.002.955.815	
	- Ngoài khoản	3.739.614.922	
	- Ngoài khoản tiền thưởng NĐ73	442.000.000	
	- Sửa chữa		
	- Mua sắm		

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC NĂM 2025 (Chưa có biên bản quyết toán của sở giáo dục)

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Ghi chú
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				

I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
2	Phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại	-	-		
<i>1</i>	<i>Chi sự nghiệp giáo dục</i>	-	-		
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-		
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
<i>1</i>	<i>Lệ phí</i>				
2	Phí				
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
	Nguồn kinh phí tự chủ - Nguồn 13+14				
	Tiền lương				
6001	Lương ngạch, bậc theo quỹ lương được duyệt				
	Lương khác	-	-		

6050	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng				
6051	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng				
	Phụ cấp lương				
6101	Phụ cấp chức vụ				
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề				
6113	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc				
6115	Phụ cấp thâm niên nghề				
	Tiền thưởng				
6201	Thưởng thường xuyên				
6299	Khác				
	Phúc lợi tập thể				
6253	Tàu xe nghỉ phép năm				
6299	Tiền nước uống				
	Các khoản đóng góp				
6301	Bảo hiểm xã hội				
6302	Bảo hiểm y tế				
6303	Kinh phí công đoàn				
6304	Bảo hiểm thất nghiệp				
	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân				
6449	Trợ cấp, phụ cấp khác				
	Thanh toán dịch vụ công cộng				
6501	Thanh toán tiền điện				
6502	Thanh toán tiền nước		-		
6504	Thanh toán vệ sinh môi trường		-		
	Vật tư văn phòng				
6551	Văn phòng phẩm				
6553	Khoản văn phòng phẩm		-		

6599	Vật tư văn phòng khác				
	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc				
6601	Cước phí điện thoại trong nước				
6605	Internet				
6608	Báo, tạp chí		-		
6618	Khác				
	Công tác phí				
6701	Tiền vé máy bay, tàu, xe				
6702	Phụ cấp công tác phí				
6703	Tiền thuê phòng ngủ				
6704	Khoản công tác phí		-		
	Chi phí thuê mướn				
6751	Thuê phương tiện vận chuyển				
6704	Thuê thiết bị		-		
6757	Thuê lao động				
6799	Thuê khác				
	Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ kinh phí thường xuyên				
6905	Trang thiết bị		-		
6907	Nhà cửa		-		
6912	Thiết bị Công nghệ thông tin				
6913	Tài sản và thiết bị văn phòng				
6921	Sửa điện, cấp thoát nước				
6949	Chi khác				
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành				

7001	Chi mua hàng hoá, vật tư dùng cho chuyên môn của từng ngành				
7004	Đồng phục, trang phục				
7049	Chi phí khác				
	Chi khác				
7756	Chi các khoản phí, lệ phí		-		
7757	Bảo hiểm tài sản và phương tiện				
7799	Chi khác				
	Tài sản khác		-		
	Trích lập quỹ				
7951	Quỹ dự phòng Ổn định thu nhập				
7952	Quỹ Phúc lợi				
7953	Quỹ Khen thưởng				
7954	Quỹ PTHĐSN				
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
	Phụ cấp lương				
6105	Phụ cấp làm đêm, thêm giờ				
	Học bổng học sinh, sinh viên				
6157	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập				
	Các khoản thanh toán cá nhân				
6449	Trợ cấp, phụ cấp khác				
	Chi phí thuê mướn				
6758	Thuê đào tạo cán bộ				
6950	Mua sắm TS dùng cho công tác chuyên môn				
6999	Tài sản khác				
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn				

7004	Đồng phục, trang phục		-		
7049	Chi phí khác				
	Chi khác				
7766	Chi cấp bù học phí				
7799	Chi khác		-		

CÔNG KHAI THU - CHI TIỀN HỌC PHÍ

NĂM 2026 (Đến ngày 30/6/2026)

(Chỉ thực hiện hết năm 2026)

ĐVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
I	Tồn đầu kỳ chuyển sang (tại KBNN)		
II	Tổng số thu		
	- Thu học phí:		
III	Tổng kinh phí sử dụng		
III	Tổng chi		
1.	Chi lương		
2.	Chi lương từ cấp bù học phí	-	
3.	Chi tiền báo Đảng quý 1+2/202...		
4.	Chi mua vật tư văn phòng từ cấp bù học phí	-	
5.	Chi trợ cấp cấp ủy		
6.	Chi tiền tết 2025		
7.	Chi tiền điện		
8.	Chi tiền sửa chữa bàn ghế; các khoản khác		
9.	Chi trích lập quỹ năm 2024		
IV	Tồn cuối kỳ - thời điểm ngày 31/9.../202... (Tồn tại KBNN)	0	

CÔNG KHAI THU - CHI TIỀN DTHT BUỔI 2 (nếu có)
NĂM 2026 (đến ngày 30/6/2026)

ĐVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
I	Tồn đầu kỳ - cuối năm 2025 chuyển sang		
	Trong đó: - Dùng chi tu sửa cơ sở vật chất điện nước		
II	Tổng thu:		
1	Thu tiền buổi 2 HKI Nh 202...-202...		
2	Thu tiền buổi 2 HKII NH 202...-202...		
III	Tổng chi:		
1	Nộp thuế 2% thu tiền buổi 2 HKI NH 202....202....		
2	Chi tiền dạy buổi 2 cho gv HKI Nh 202...202....		
3	Chi tiền quản lí dạy buổi 2 HKI Nh 202...202...		
4	Chi tiền phục vụ hđ dạy buổi 2 HKI Nh 202...-202....		
5	Thuế 2% phải nộp HKII NH 202....-202...		
6	Chi tiền dạy buổi 2 cho gv HKII Nh 202...202...		
7	Chi tiền quản lí dạy buổi 2 HKII Nh 202...202....		
8	Chi tiền phục vụ hđ dạy buổi 2 HKII Nh 202...-202...		
9	Chi tiền mua quạt trần, bóng đèn		
IV	Tồn cuối kỳ - thời điểm 31/12/2024(Tại KBNN)		
	Trong đó: - Dùng chi tu sửa cơ sở vật chất điện nước (tồn tại KBNN)		

CÔNG KHAI THU - CHI TIỀN CHĂM SÓC SỨC KHỎE BAN ĐẦU
NĂM 2026 (Đến ngày 30/6/2026)

ĐVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
I	Tồn đầu kỳ - cuối năm trước chuyển sang tại KBNN		
II	Tổng thu (BHXH chuyển về)		
III	Tổng số chi		
1	Chi tiền mua thuốc y tế cho hs		
2	Chi tiền mua thuốc y tế cho hs		
3	Chi tiền photo giấy khám sức khỏe cho hs đầu năm học 202....-202...		
IV	Tồn cuối kỳ - thời điểm 30/6/2026 tại KBNN		

CÔNG KHAI THU - CHI TIỀN PHÚC LỢI
NĂM 2026 (Đến ngày 30/6/2026)

ĐVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
I	TÒN CUỐI NĂM 2025 CHUYỂN SANG		
II	Trích lập quỹ phúc lợi từ nguồn NSNN CUỐI NĂM 2025, ĐẦU NĂM 2026		
III.	Lãi tiền gửi		
IV	Tổng số được sử dụng năm 2026		
V	Tổng số chi trong năm 2025		
1	Chi tiền		
2	Chi tiền		
3	Chi tiền		

4	Chi tiền		
VI	TỒN TẠI THỜI ĐIỂM 30/6/2026 tại KBNN		

**CÔNG KHAI THU - CHI TIỀN TÀI KHOẢN 112 TẠI KHO BẠC
NĂM 2026 (Đến ngày 30/6/2026)**

ĐVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
I	Tồn đầu kỳ (cuối năm 2025 chuyển sang) - Tại KBNN	29.697.584	
	Trong đó: - Tiền chăm sóc sức khỏe ban đầu còn lại	29.697.584	
	- Tiền buổi 2 còn lại Dừng để chi CSVC		
	- Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp		
	- Quỹ khen thưởng		
	- Quỹ phúc lợi		
	- Quỹ dự phòng ổn định thu nhập		
	- Tiền OTTN		
	- Tiền thu vệ sinh trường lớp		
	- Tiền khen thưởng Sở chuyên, giữ xe, quỹ khác		
II	Tổng số thu	74.114	
III	Tổng số chi		
IV	Tồn cuối kỳ - thời điểm 30/6/2026 (tồn tại KBNN)	29.771.698	
	Trong đó: - Tiền chăm sóc sức khỏe ban đầu còn lại	29.697.584	
	- Tiền buổi 2 còn lại Dừng để trích quỹ PTSN		
	- Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp		
	- Quỹ khen thưởng		

	- Quỹ phúc lợi		
	- Quỹ dự phòng ổn định thu nhập		
	- Tiền OTTN		
	- Tiền thu vệ sinh trường lớp		
	- Tiền khen thưởng Sở chuyên		
	Tiền lãi tiền gửi	74.114	

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường đảm bảo sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, bố trí đội ngũ giáo viên hiệu quả

Nhà trường xây dựng và triển khai kế hoạch giáo dục theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế về đội ngũ, cơ sở vật chất và đối tượng học sinh.

Trước năm học, nhà trường tổ chức rà soát hiện trạng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, phòng học bộ môn, thư viện, phòng thí nghiệm, phòng tin học để xây dựng phương án khai thác, sử dụng hiệu quả; đồng thời xây dựng kế hoạch sửa chữa, bổ sung thiết bị theo nhu cầu thực tế. Việc bố trí thời khóa biểu được thực hiện hợp lý, đảm bảo khai thác tối đa các phòng chức năng, hạn chế chồng chéo và đáp ứng yêu cầu triển khai Chương trình GDPT 2018.

Căn cứ số lớp, định mức giáo viên và năng lực chuyên môn, nhà trường phân công giảng dạy phù hợp; ưu tiên bố trí giáo viên có kinh nghiệm phụ trách các lớp cuối cấp, giáo viên trẻ được phân công kèm cặp, hỗ trợ chuyên môn. Hoạt động sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học được duy trì thường xuyên, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị dạy học và đổi mới phương pháp giảng dạy.

Định kỳ, Ban Giám hiệu kiểm tra việc thực hiện kế hoạch giáo dục, việc sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và kịp thời điều chỉnh những nội dung chưa phù hợp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

2. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức dạy học

Nhà trường tiếp tục chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh, lấy người học làm trung tâm. Giáo viên vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học tích cực như dạy học theo dự án, thảo luận nhóm, giải quyết vấn đề, trải nghiệm, thực hành, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và học liệu số trong quá trình giảng dạy.

Các tổ chuyên môn xây dựng chuyên đề, tổ chức thao giảng, dự giờ, nghiên cứu bài học và chia sẻ kinh nghiệm nhằm nâng cao chất lượng chuyên môn. Việc ứng dụng các phần mềm hỗ trợ dạy học, ngân hàng câu hỏi, hệ thống học liệu điện tử từng bước được mở rộng, góp phần nâng cao hiệu quả giờ học và phát huy tính chủ động của học sinh.

3. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá

Nhà trường thực hiện kiểm tra, đánh giá theo đúng quy định hiện hành, đảm bảo đánh giá toàn diện quá trình học tập và rèn luyện của học sinh.

Giáo viên kết hợp đánh giá thường xuyên với đánh giá định kỳ thông qua nhiều hình thức như hỏi đáp, quan sát, sản phẩm học tập, bài thực hành, thuyết trình, dự án và bài kiểm tra trên giấy hoặc trên nền tảng số. Công tác xây dựng ma trận đề, đặc tả đề kiểm tra được thực hiện thống nhất trong các tổ chuyên môn, góp phần nâng cao chất lượng kiểm tra, đánh giá.

Việc nhập điểm, quản lý kết quả học tập được thực hiện trên phần mềm quản lý của ngành, bảo đảm công khai, chính xác và kịp thời.

4. Nâng cao chất lượng giáo dục hướng nghiệp

Nhà trường triển khai hiệu quả hoạt động giáo dục hướng nghiệp theo Chương trình GDPT 2018 thông qua các tiết Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp và các hoạt động ngoại khóa.

Trong năm học, nhà trường tổ chức các chuyên đề tư vấn tuyển sinh, định hướng nghề nghiệp, mời đại diện các trường đại học, cao đẳng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp trao đổi với học sinh; phối hợp với phụ huynh trong việc định hướng lựa chọn nghề phù hợp.

Giáo viên chủ nhiệm thường xuyên tư vấn, nắm bắt nguyện vọng của học sinh, đặc biệt đối với học sinh lớp 12, góp phần giúp học sinh lựa chọn ngành nghề phù hợp với năng lực, sở trường và nhu cầu của xã hội.

5. Tham gia tổ chức các kỳ thi, cuộc thi

Nhà trường chuẩn bị đầy đủ các điều kiện về nhân lực, cơ sở vật chất và trang thiết bị để tham gia tổ chức các kỳ kiểm tra, kỳ thi theo kế hoạch của ngành.

Giáo viên thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ coi thi, chấm thi, bồi dưỡng học sinh tham gia các kỳ thi, cuộc thi do các cấp tổ chức. Công tác ôn tập cho học sinh lớp 12 được xây dựng khoa học, phù hợp với năng lực học sinh, góp phần nâng cao chất lượng kỳ thi tốt nghiệp THPT.

Nhà trường tích cực khuyến khích học sinh tham gia các cuộc thi về học thuật, nghiên cứu khoa học, sáng tạo, thể dục thể thao, văn hóa - văn nghệ và các phong trào do ngành phát động.

6. Công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh; việc xây dựng môi trường giáo dục dân chủ, an toàn, vệ sinh; biện pháp khắc phục tình trạng dạy thêm, học thêm, thu sai quy định

6.1. Công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh

Nhà trường triển khai đồng bộ các hoạt động giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống và giáo dục pháp luật thông qua các môn học, hoạt động trải nghiệm, sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt lớp và các chuyên đề giáo dục.

Đoàn Thanh niên phối hợp với giáo viên chủ nhiệm tổ chức nhiều hoạt động giáo dục truyền thống, văn hóa ứng xử học đường, phòng chống bạo lực học đường, an toàn giao thông, phòng chống ma túy, thuốc lá điện tử, an toàn trên không gian mạng.

Việc phối hợp giữa gia đình và nhà trường được tăng cường thông qua các cuộc họp phụ huynh, hệ thống liên lạc điện tử và trao đổi trực tiếp khi cần thiết, góp phần nâng cao ý thức chấp hành nội quy của học sinh.

6.2. Việc xây dựng môi trường giáo dục dân chủ, an toàn, vệ sinh

Nhà trường thực hiện nghiêm Quy chế dân chủ cơ sở; công khai các nội dung theo quy định; tạo điều kiện để cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh và cha mẹ học sinh tham gia góp ý xây dựng nhà trường.

Công tác bảo đảm an ninh trường học, phòng cháy chữa cháy, phòng chống tai nạn thương tích được triển khai thường xuyên; phối hợp với chính quyền địa phương, lực lượng công an trong công tác bảo đảm an ninh trật tự khu vực trường học.

Các hoạt động vệ sinh trường lớp, chăm sóc cây xanh, xây dựng cảnh quan "Xanh - sạch - đẹp - an toàn" được duy trì thường xuyên. Nhà trường quan tâm đầu tư, sửa chữa các hạng mục cơ sở vật chất nhằm bảo đảm môi trường học tập an toàn cho học sinh.

6.3. Biện pháp khắc phục tình trạng dạy thêm, học thêm, thu sai quy định

Nhà trường quán triệt và thực hiện nghiêm các quy định về dạy thêm, học thêm và các khoản thu trong trường học; công khai đầy đủ các khoản thu theo quy định, tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

Trong năm học không phát hiện trường hợp giáo viên tổ chức dạy thêm, học thêm hoặc thu các khoản trái quy định trong phạm vi quản lý của nhà trường.

7. Phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục

Nhà trường tiếp tục kiện toàn đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình GDPT 2018; thực hiện phân công nhiệm vụ phù hợp với năng lực, chuyên môn và vị trí việc làm.

Giáo viên tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng thường xuyên, tập huấn chuyên môn, chuyển đổi số, kiểm tra đánh giá, sử dụng thiết bị dạy học và triển khai chương trình giáo dục mới theo kế hoạch của Bộ và Sở Giáo dục và Đào tạo.

Các tổ chuyên môn duy trì sinh hoạt định kỳ, tổ chức thao giảng, dự giờ, nghiên cứu bài học và chia sẻ kinh nghiệm chuyên môn. Công tác đánh giá, xếp loại viên chức được thực hiện đúng quy định, gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ và chuẩn nghề nghiệp giáo viên.

8. Tăng cường cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Nhà trường tiếp tục rà soát, sửa chữa và bổ sung cơ sở vật chất phục vụ dạy học theo khả năng nguồn kinh phí được cấp và nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Các phòng học, phòng chức năng, thư viện, phòng tin học, phòng thí nghiệm được bố trí, quản lý và khai thác phù hợp với kế hoạch giáo dục. Thiết bị dạy học được kiểm kê, bảo trì, sửa chữa định kỳ; giáo viên được hướng dẫn sử dụng hiệu quả thiết bị trong giảng dạy.

Nhà trường từng bước nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, hệ thống mạng Internet, máy tính và máy chiếu nhằm đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong quản lý và dạy học.

9. Thực hiện đổi mới công tác quản lý giáo dục

Nhà trường tiếp tục đổi mới công tác quản trị theo hướng tăng cường phân cấp, phân quyền gắn với trách nhiệm của từng cá nhân, bộ phận.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hồ sơ, văn bản, điểm số, học bạ điện tử và điều hành công việc; thực hiện tốt cải cách hành chính, giảm hồ sơ giấy, nâng cao hiệu quả xử lý công việc.

Công tác kiểm tra nội bộ trường học được triển khai theo kế hoạch; chú trọng kiểm tra việc thực hiện quy chế chuyên môn, hồ sơ chuyên môn, công tác chủ nhiệm và việc thực hiện các quy định của ngành. Các ý kiến phản ánh của giáo viên, học sinh và phụ huynh được tiếp nhận, giải quyết kịp thời, góp phần nâng cao chất lượng quản trị nhà trường.

10. Tăng cường công tác truyền thông giáo dục

Nhà trường duy trì hiệu quả các kênh thông tin như website, bảng tin, fanpage và hệ thống thông tin nội bộ để kịp thời tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, các văn bản chỉ đạo của ngành và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Đẩy mạnh truyền thông về chuyển đổi số, xây dựng trường học an toàn, phòng chống bạo lực học đường, an toàn giao thông, phòng chống ma túy, thuốc lá điện tử, bảo vệ môi trường và các hoạt động giáo dục kỹ năng sống.

Đồng thời, nhà trường thường xuyên tuyên truyền, biểu dương tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu trong giảng dạy, học tập và các phong trào thi đua; tăng cường phối hợp với cha mẹ học sinh, chính quyền địa phương và các tổ chức đoàn thể nhằm nâng cao hiệu quả công tác giáo dục toàn diện.

Trên đây là báo cáo công khai thường niên năm 2026 của trường THPT Tân Bình – Bình Dương./.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT (VP);
- Phòng QLCL(Sở GDĐT);
- Phòng KT – PC (Sở GDĐT);
- Phòng KH – TC (Sở GDĐT);
- CBGV,NV;
- CMHS;
- HS;
- Dán niêm yết công khai TB;
- Website;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG